

Vai trò của Phật giáo dân gian với đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay

ThS. NGUYỄN THỊ TOAN

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên; Email:ngthitoann@gmail.com

Tóm tắt: Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và mang nặng tính dân gian ngay từ buổi đầu hình thành. Nó có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Phần lớn tín đồ Phật giáo ở Việt Nam là nhân dân lao động, họ ít hiểu giáo lý, giáo luật mà chỉ nghiêng về thực hành đạo từ bi và một lòng một dạ thành kính hướng về Đức Phật tổ và Quan Thế Âm Bồ tát để mong nhận được sự che chở, độ trì giúp họ có cuộc sống bình an, hạnh phúc. Do đó chức năng quan trọng của Phật giáo dân gian Việt Nam chính là chỗ dựa tinh thần giúp con người "An cái Tâm" và sống thiện để hạnh phúc hơn.

Từ khoá: Phật giáo dân gian, an tâm, bình an.

Nhân loại hiện nay đang bước vào giai đoạn hậu công nghiệp, hay nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức. Bên cạnh đời sống kinh tế rất phát triển với một khối lượng của cải vật chất đồ sộ do tiến bộ khoa học kỹ thuật mang lại, thì đời sống tinh thần của người Việt Nam trong xã hội hiện đại đang phải đối mặt với những khổ nạn mới như: Sự phân hóa giàu nghèo, cạnh tranh và xung đột, ô nhiễm môi trường, và sự tha hóa về mặt đạo đức lối sống. Đối mặt với những khổ nạn ấy, Phật giáo dân gian với giá trị nhân bản trong việc giải thoát cho con người dường như đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh, khoảng trống và nỗi thất vọng trong lòng con người. Bằng khả năng điều chỉnh sự cân bằng trong nội tâm, Phật giáo dân gian có thể giúp con người sống hài hòa trong thế giới này.

1. Tính dân gian của Phật giáo Việt Nam

Đạo Phật xâm nhập vào Việt Nam từ khá sớm, khi tín ngưỡng bản địa của người Việt nói chung còn đơn sơ. Bên cạnh các vị thần như thần sông, thần núi, thần mưa, thần sấm, thần chớp thì "tín ngưỡng cơ bản của nền văn minh nông nghiệp lúa nước tại Giao Châu lúc bấy giờ là tin ở Ông Trời"⁽¹⁾. Ông Trời ở trên cao, có thể nhìn thấu mọi việc dưới đất, biết trừng phạt kẻ làm ác, giúp đỡ người làm lành. Trong bối cảnh tín ngưỡng và văn hoá đó, đạo Phật đã vào Việt Nam theo chân các thương gia Ấn Độ tới Giao Châu để vào Trung Quốc. Họ đã mang

theo nếp sinh hoạt tôn giáo cơ bản của Đạo Phật như là thực hành ngũ giới, thập thiện, tin ở thuyết nhân quả và làm bố thí cúng dường ngay trên đất Giao Châu. Các nhà sư Ấn Độ "bằng thái độ Từ bi, nhẫn nhục, không nề hà việc cuu mang người, thành thật cứu vớt người, dùng thuốc trị bệnh cho người ốm đau" đã tác động và cảm hoá được người Việt⁽²⁾. Từ đó người Việt dần làm quen với nội dung giáo lý đạo Phật. Như vậy, Phật giáo ngay từ buổi đầu vào nước ta theo hướng dân gian chứ không phải theo hướng bác học. Người Việt tiếp nhận đạo Phật không phải với tư cách một tôn giáo mà do họ bị cảm hoá bởi hành động thực tiễn của người truyền đạo.

Các quan điểm, triết lý của nhà Phật khi vào Việt Nam, hầu như không có quan niệm nào chống đối lại tín ngưỡng Giao Châu hồi ấy, thậm chí còn bổ sung cho nhau. Chẳng hạn như, thuyết "nhân quả nghiệp báo" phù hợp với quan niệm ông Trời trừng phạt kẻ ác, ban thưởng người lành; thuyết luân hồi cũng phù hợp với quan niệm linh hồn tồn tại sau khi thân xác tiêu hoại. Vì vậy, "đạo Phật thấm vào văn minh Giao Châu tự nhiên và dễ dàng như nước thấm vào lòng đất"⁽³⁾. Kết quả là ông Bụt theo cách người Việt phát âm giản lược từ Buddha của Ấn Độ đã trở thành một biểu tượng từ bi, nhân hậu luôn cứu giúp người nghèo yếu với đạo lý "ở hiền gặp lành", nghiệp, quả báo, kiếp sau. Vì thế mà Phật giáo thời kỳ mới du

nhập nghiêng về tính dân gian hơn tính bác học. Phật giáo bình dân thời kỳ này thật đơn giản, chưa có kinh điển, chưa có chế độ tự viện và tăng sĩ, mà chủ yếu đi liền với tín ngưỡng cầu xin tài, lộc, phúc, thọ □ đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tâm linh của quần chúng lao động người Việt. Phật trở nên gần gũi, đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hàng ngày và thực sự trở thành một chỗ dựa tinh thần vững chắc cho đời sống tâm linh của người Việt.

Sử sách chép rằng, khoảng từ năm 187 đến 189, nhà tu hành Ấn Độ Khâu Đà La đến tu tại Dâu (Bắc Ninh), lập ra Sơn Môn Dâu. Sự hình thành trung tâm Dâu gắn liền với câu chuyện nhà sư Ấn Độ Khâu Đà La và nữ Phật tử Man Nương. Kết thúc câu chuyện là sự xuất hiện của Thạch Quang Phật và Tứ pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lôi được thờ ở bốn chùa: Chùa Dâu, Chùa Dàn, Chùa Tướng, Chùa Pháp. Tín ngưỡng Tứ Pháp chính là sự kết hợp tư tưởng Phật giáo thời kỳ đầu tại Việt Nam với tín ngưỡng nông nghiệp bản địa, thể hiện ước mơ giản dị của người Việt về cuộc sống ấm no, sung túc, đầy đủ. Trong đó người dân Việt tin tưởng các Phật bà: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lôi với lòng từ bi, nhân ái và các phép thuật màu nhiệm sẽ mang lại cho họ những mùa vụ bội thu. Câu chuyện đậm tính dân gian đã thể hiện tinh thần nhập thể ngay từ buổi đầu của Phật giáo Việt Nam, nhu cầu tâm linh luôn gắn liền với cuộc sống, với miếng cơm manh áo.

Khi đạo Phật truyền vào làng xã, hòa vào văn hóa Việt Nam, chùa làng là điểm cốt kết nhân tâm, là nơi khuyên bảo người dân sống chân thật, đạo đức, hướng thiện. Trong thời kỳ phong kiến, Phật giáo còn tạo nên tầng lớp trí thức tiêu biểu với tinh thần nhập thế, gánh vác trách nhiệm trước dân tộc trong thời kỳ đầu tiên gian nan xây nền độc lập (thế kỷ X). Khi đó, tinh thần cứu khổ cứu nạn của Phật giáo rất phù hợp với tâm lý, khát vọng của nhân dân ta đang phải chịu ách áp bức ngoại bang, khát khao sự giải phóng. Hạt nhân của đạo đức Phật giáo là lòng từ bi, bác ái, sự hướng thiện đã hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Vì thế, Phật giáo ngày càng bám rễ sâu vào mảnh đất Giao Châu, gắn bó với văn hóa làng, gắn bó với dân tộc Việt và góp phần làm phong phú thêm văn hóa làng Việt.

Nhiều thiền sư trong lịch sử Việt Nam không phải là những thầy lang nhưng lại có kiến thức y dược, trực tiếp chữa trị, hốt thuốc cho người dân. Nhiều nhà sư còn giúp dân chống hạn, bài trừ các hủ tục lạc hậu nhằm góp phần phát triển văn hoá, tuyên truyền điều thiện, giáo dục đạo đức lành mạnh, mưu lợi dân sinh. Không chỉ vậy, đến những việc cầu an, ma chay, chọn đất cất nhà, chọn ngày lành tháng tốt để khai trương buôn bán, dân chúng đều có thể nhờ các vị sư.

Trong các triều đại phong kiến Việt Nam, Nhà chùa còn là trường học - nơi dân thường có thể học chữ và nhiều kiến thức. □Thầy chùa□- phản ánh một cách trung thực và chính xác trong buổi đầu dựng nước và giữ nước, nhà chùa chính là trường học, nơi học tập kiến thức, xây dựng nếp sống văn hoá, và chính các nhà sư là những người thầy giáo của đại đa số quần chúng, được quần chúng tôn kính gọi là □thầy□

Xuất phát từ triết lý chủ đạo là từ bi và tinh thần cứu độ chúng sinh làm nền tảng, Phật giáo dân gian nhìn hệ thống Phật là một hệ thống gồm các đẳng siêu nhiên. Các vị này với lòng từ bi sẽ dùng những năng lực siêu nhiên của mình để cứu độ chúng sinh. Đối với Phật giáo dân gian, niềm tin là yếu tố nổi bật. Người đi lễ có niềm tin tuyệt đối vào các vị Phật, tin vào những tha lực được các vị Phật ban xuống đáp ứng lời cầu xin của họ hay đề ban phúc giáng họa. Nếu Phật giáo bác học tìm vào triết lý sống, lý tưởng sống của Phật mà nương theo thì Phật giáo dân gian tin vào sự cứu độ mà không quan tâm đến triết lý hay lý tưởng sống. Ở Phật giáo bác học cách hành đạo là theo điều Phật dạy để Tâm hoà vào Tâm Phật, sống đời sống Phật; thì ở Phật giáo dân gian lại là cầu xin Phật ban phát điều tốt lành cho cuộc sống hiện tại. Từ đó, nảy sinh các hình thức cúng lễ như: cúng cầu an, cúng sao giải hạn, cúng cầu siêu, cúng cất tiền duyên □ Ở góc độ này, Phật giáo dân gian đã đi sâu vào đời sống tinh thần của người dân Việt Nam, giúp họ có cuộc sống yên ổn, bình an, hạnh phúc.

Ngày nay, bên cạnh tính bác học, Phật giáo dân gian vẫn rất phát triển. Chùa trở thành nơi nương tựa, là bệ đỡ tinh thần cho những đau khổ của con người trong cuộc sống. Mỗi khi con người gặp rủi ro, bế

tắc bất lực trong cuộc đời, thì Phật trở thành điểm tựa an ủi tinh thần, giúp con người xoa dịu nỗi đau, học cách buông bỏ và tìm lại bình an trong tâm hồn. Phật giáo dân gian tuy không nặng về giáo lý, giáo luật nhưng lại gần gũi với cuộc sống, đi vào lòng dân và phát triển mạnh mẽ.

2. Vai trò □An tâm□ của Phật giáo dân gian với đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay

Mỗi con người đều có hai phần thống nhất với nhau là □thân□ và □tâm□. Từ đó, theo nhà Phật, trong đời sống xã hội con người cũng mắc hai loại bệnh, hai thứ khổ: bệnh về thể xác là □khổ thân□ và bệnh về tinh thần là □khổ tâm□. Hai loại bệnh khổ này có liên quan mật thiết, biện chứng với nhau, không tách rời nhau. Con người có thể dùng thuốc để chữa bệnh về thể xác, nhưng không thể chữa được bệnh về tinh thần. Vì vậy nếu khổ tâm thì con người chỉ có thể tìm phương thuốc tinh thần để mong an định cho được cái tâm và từ từ mà tiêu tan cái bệnh trên thân xác. Phật giáo chính là tôn giáo đặc dụng, là phương thuốc hữu hiệu xoa tan bệnh tật trong đời sống tinh thần của con người. Đặc biệt là Phật giáo dân gian Việt Nam với phương châm khuyến thiện trừ ác, ở lánh tránh dữ, là đạo tâm.

Tâm được xem là một phạm trù quan trọng, cơ bản của Phật giáo. Tâm được hiểu là nơi cư trú của hoạt động tinh thần của con người. Nó mang ý nghĩa là lương tâm, đạo đức, tấm lòng. Người có tâm sống bao dung, độ lượng, vị tha, thương người như thể thương thân, biết chia sẻ với người khác lúc hoạn nạn khó khăn. Tâm cũng là tâm tính, tâm can, tâm tư, tâm khảm, là toàn tâm toàn ý cho công việc, cho sự nghiệp, lý tưởng của mình.

Ở người Việt Nam, Tâm là Tim, đồng thời cũng là lòng, bụng, dạ, ruột□ là phần bên trong của cơ thể con người. Nên khổ tâm cũng là đau tim, đau lòng, đau ruột, là xót xa lòng dạ□. Vì vậy khi cái Tâm bệnh thì cả cái thân xác cũng bệnh theo. Vì thế trong ứng xử giữa con người với con người, điều quan trọng là tấm lòng, là thành tâm, thực bụng, sống hết lòng vì nhau. Có thể thấy rõ, trong suy nghĩ của người Việt Nam, cái tâm bắt nguồn từ chính trong bản thân chúng ta. Bụng chúng ta nghĩ gì thì hành động của chúng ta sẽ như vậy. Cho nên muốn trở thành người tốt thì cần phải có cái Tâm, tức chúng

ta phải sống bằng cả tấm lòng của mình, mọi cư xử, hành động phải từ đáy lòng mà ra; phải luôn giữ cho mình sự ngay thẳng trong tâm mới mong có sự ngay thẳng trong cuộc đời.

Trong đời sống tinh thần thì Tâm đóng vai trò chủ đạo. Tâm có an thì trí tuệ của con người mới sáng suốt. Nên khi con người ta lo lắng, bồn chồn, tâm trí rối bời thì sẽ thường nhận được lời khuyên từ người khác hãy yên tâm, hãy an tâm. Mọi người đều biết rằng, nếu nôn nóng, giận dữ thì đều làm cho cái tâm không yên dẫn đến mất khôn. Cho nên □an tâm□ là điều kiện cần đầu tiên để có một cái nhìn bình tĩnh, đúng đắn, khách quan đối với mọi sự vật hiện tượng. Tâm không an giống như mặt hồ gợn sóng, nước bị khuấy đục, do đó những viên đá cuội dưới đáy hồ không thể nhìn rõ. Ngược lại nếu tâm an, giống như hồ nước trong veo, những viên cuội dưới đáy hồ đều hiển lộ. An tâm cũng là điều kiện đầu tiên để con người sống yên ổn, bình an, hạnh phúc. Muốn an tâm thì phải sống thiện, chính trực, ngay thẳng, thật thà. Đây chính là phép an tâm trong Phật giáo. Không thể nào an tâm được nếu tham, sân, si; cả trái tim và khối óc ngùn ngụt bốc lửa.

Tâm theo cách hiểu của người Việt Nam cũng là lòng, bụng, ruột, dạ... nên trong Phật giáo dân gian an tâm là khi con người có lòng thành □sự thành tâm, không gian dối, sống chân thật, đúng mực, có trách nhiệm. Hàng tháng, cứ ngày rằm, mừng một người dân lại thắp hương làm lễ lên chùa, tại nhà; thành tâm kính lễ dâng Phật để mong được các ngài phù hộ độ trì, cho bình an, phước lộc, may mắn... Việc làm giản dị này nhưng có ý nghĩa to lớn về mặt tinh thần đối với người dân Việt Nam; mà nếu không làm thì thiếu đi sự thành tâm, mọi việc sẽ không thành và hậu quả có thể xấu khôn lường. Đây cũng chính là quan niệm dân gian □có thờ có thiêng, có kiêng có lành□ giúp tâm bình an và tin tưởng mọi điều may mắn sẽ đến.

Đối với người Việt Nam thì đạo Phật chính là đạo Hiếu, nên thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba mới tu chùa. Do đó tâm bình an khi con người có lòng hiếu thảo, hiếu kính, hiếu thuận với cha mẹ, ông bà. Làm tròn bổn phận của người con đối với cha mẹ chính là một trong những pháp tu của nhà Phật. Với người Việt Nam dưới ảnh hưởng của tư tưởng

Phật giáo dân gian, nhân dân luôn nhắc nhở nhau sống có tình, có nghĩa, có lương tri với nhau, để cùng nhau tạo lập một cuộc sống tốt lành, tránh bị quả báo theo luật nhân quả.

Để tâm bình an, Phật giáo dân gian dạy con người sống từ bi, bác ái, không làm điều ác, chỉ làm điều thiện, điều nhân đức. Đó cũng là tinh thần □lá lành đùm lá rách□, □Thương người như thể thương thân□trong văn hoá Việt. Ở Phật giáo dân gian, Phật đã bao dung mọi người trong tình thương bao la, huyền diệu cho nên mỗi lần cô Tấm bé nhỏ gặp phải những nỗi đau đày thì ông Bụt lại hiện ra để thực hiện thiên chức của mình, mang lại sự công bằng xã hội. Vì thế, khi tư tưởng từ bi của Phật giáo vào Việt Nam đã làm cho tình thương của con người Việt Nam càng được nhân lên, mở rộng hơn nữa. Con người biết lo lắng cho người khác hơn bản thân, biết bao dung, độ lượng, biết tha thứ cho người lỗi lầm biết hối cải.

Tâm an còn thể hiện ở cuộc sống an lạc, thanh thoi, thăng bằng, sống hoà hợp với môi trường xung quanh và những người đồng loại. Sống an lạc, thanh thoi, đó là mục đích cao thượng trong đời sống để con người phấn đấu có được một lối sống tốt, sống có ý nghĩa với đời. Nó hướng thiện cho con người, giúp con người thoát khỏi những ràng buộc của đời sống hiện thực nơi trần thế trở về với sự tĩnh tại, thanh tịnh trong tâm hồn. Con người biết gạt bỏ những ham muốn, dục vọng tầm thường để thanh lọc cõi tâm, giữ cho tâm mình trong sáng, sống hoà hợp với môi trường thiên nhiên và con người xung quanh. Hình ảnh các ngôi chùa với những cảnh quan tươi đẹp là điểm dừng chân lý tưởng cho tâm hồn mỗi người trong cuộc sống huyền ảo nơi trần thế. Những kiến trúc và cảnh vật trong chùa đã mang đến cho mỗi người sự bình yên, thanh thoi, thư thái, bỏ lại đằng sau những lo toan, vất vả của cuộc sống.

Hoạt động nổi bật của Phật giáo dân gian hiện nay là hoạt động cúng lễ, nhằm thoả mãn nhu cầu của chúng sinh trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày mong nhận được sự vuốt ve, che chở của Phật, thánh, đáng bề trên để cuộc sống được thuận buồm xuôi gió, xuôi chèo mát mái. Đặc trưng cơ bản này cũng phản ánh Phật giáo dân gian không quan tâm nhiều tới giáo lý hay mục đích rốt ráo của đạo Phật

mà chỉ chú trọng tới cứu khổ cứu nạn. Người đi lễ thực hiện hành vi cúng lễ để mong cầu được Phật ban phát sức khoẻ, tài lộc, công danh... những gì đáp ứng nhu cầu cuộc sống thường nhật của họ.

Như vậy, ở tính dân gian, Phật giáo bắt nhịp với cuộc sống của người dân, hoà vào văn hoá dân tộc trở nên gần gũi, thân quen và bén rễ sâu vào tâm hồn người Việt. Cứ thế, Phật giáo dân gian góp phần vào điều chỉnh hành vi xã hội, làm thay đổi một vài thói quen, nếp sống truyền thống của người Việt Nam, giúp cho cuộc sống của con người ngày càng an yên, tốt đẹp hơn.

3. Kết luận

Phật giáo dân gian là dòng Phật giáo được hình thành ngay từ khi Phật giáo truyền vào Việt Nam và tồn tại cho đến ngày nay. Phật giáo dân gian có một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Với tinh thần cứu khổ cứu nạn, cứu nhân độ thế, Phật giáo dân gian trở nên gần gũi và đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hàng ngày của quảng đại quần chúng nhân dân, thực sự trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc cho đời sống tâm linh của tín đồ đạo Phật. Phật giáo dân gian coi Phật là một đấng siêu nhiên, có phép thần thông, hiểu biết mọi chuyện trên đời như ông Trời trên cao nhìn thấu mọi suy tư và hành động của con người. Phép màu và các sức mạnh siêu nhiên ấy là một phương thức để cải thiện chiến thắng cái ác, cái tốt vượt lên trên cái xấu, cái cao thượng thay cho cái thấp hèn. /.

(1) (2) Nguyễn Tài Thư (chủ biên), (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Tr.89

(3) Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, Hà Nội. Tr.46

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Hinh (2008), □*Mấy đặc điểm của Phật giáo Việt Nam*□, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo (8), tr.14-19
2. Bùi Biên Hòa (1998), *Đạo Phật và thế gian*, Nxb. Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Khánh (1986), *Phật giáo và văn hóa dân gian Việt Nam, Một số vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, viện Triết học, Hà Nội, tr.147-155.
4. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Hoàng Thị Thơ (2002), *Đạo đức Phật giáo với kinh tế thị trường*, Tạp chí Triết học (số 7), tr. 41-44
6. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, T.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.